

SỐ 641

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa-môn Thích Tiên Công.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ở trong ba cõi. Những gì là sáu?

1. Các hành ở ba cõi không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi ở ba cõi không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi ở ba cõi không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ ở ba cõi không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ ở ba cõi không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ở cõi Dục.

Những gì là sáu?

1. Các hành ở cõi Dục không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi ở cõi Dục không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi ở cõi Dục không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ ở cõi Dục không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ ở cõi Dục không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu thứ ở cõi Sắc. Những gì là sáu?

1. Các hành ở cõi Sắc không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

2. Pháp hữu vi ở cõi Sắc không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi ở cõi Sắc không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ ở cõi Sắc không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ ở cõi Sắc không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ở cõi Vô sắc. Những gì là sáu?

1. Các hành ở cõi Vô sắc không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi ở cõi Vô sắc không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi ở cõi Vô sắc không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ ở cõi Vô sắc không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ ở cõi Vô sắc không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại lưu chuyển. Những gì là sáu?

1. Các hành lưu chuyển không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi lưu chuyển không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi lưu chuyển không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ lưu chuyển không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ lưu chuyển không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại vô thường. Những gì là sáu?

1. Các hành vô thường không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi vô thường không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi vô thường không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ vô thường không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ vô thường không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sinh ra. Những gì là sáu?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

1. Các hành sinh ra không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi sinh ra không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi sinh ra không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ sinh ra không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ sinh ra không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại pháp diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành là pháp diệt không thể nghĩ bàn.
2. Hữu vi là pháp diệt không thể nghĩ bàn.
3. Vô vi là pháp diệt không thể nghĩ bàn.
4. Hữu trụ là pháp diệt không thể nghĩ bàn.
5. Vô trụ là pháp diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sinh diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành sinh diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ sinh diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ sinh diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại đã diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành đã diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi đã diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi đã diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ đã diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ đã diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại vắng lặng. Những gì là

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sáu?

1. Các hành vắng lặng không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi vắng lặng không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi vắng lặng không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ vắng lặng không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ vắng lặng không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại an lạc. Những gì là

sáu?

1. Các hành an lạc không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi an lạc không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi an lạc không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ an lạc không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ an lạc không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại cùng chung. Những gì

là sáu?

1. Các hành cùng chung không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi cùng chung không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi cùng chung không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ cùng chung không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ cùng chung không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại không sinh. Những gì

là sáu?

1. Các hành không sinh không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi không sinh không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi không sinh không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ không sinh không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ không sinh không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hiện tại cũng vậy.

Những gì là sáu?

1. Các hành hiện tại cũng vậy không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi hiện tại cũng vậy không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi hiện tại cũng vậy không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ hiện tại cũng vậy không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ hiện tại cũng vậy không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại không diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành không diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi không diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi không diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ không diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ không diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại không sinh, không diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành không sinh, không diệt, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi không sinh, không diệt, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi không sinh, không diệt, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ không sinh, không diệt, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ không sinh, không diệt, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tất cả đều không.

Những gì là sáu?

1. Các hành tất cả đều không, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi tất cả đều không, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi tất cả đều không, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ tất cả đều không, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ tất cả đều không, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tánh không. Những gì là sáu?

1. Các hành tánh không, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi tánh không, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi tánh không, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ tánh không, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ tánh không, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tướng không. Những gì là sáu?

1. Các hành tướng không, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi tướng không, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi tướng không, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ tướng không, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ tướng không, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại pháp không. Những gì là sáu?

1. Các hành là pháp không, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi là pháp không, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi là pháp không, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ là pháp không, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ là pháp không, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu căn. Những gì là sáu?

1. Sáu căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Sáu căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Sáu căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Sáu căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Sáu căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhãn căn. Những gì là sáu?

1. Nhãn căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Nhãn căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Nhãn căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Nhãn căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Nhãn căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhĩ căn. Những gì là sáu?

1. Nhĩ căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Nhĩ căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Nhĩ căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Nhĩ căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Nhĩ căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tỷ căn. Những gì là sáu?

1. Tỷ căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Tỷ căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Tỷ căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Tỷ căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Tỷ căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thiệt căn. Những gì là sáu?

1. Thiệt căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Thiệt căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Thiệt căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Thiệt căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

5. Thiệt căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thân căn. Những gì là sáu?

1. Thân căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Thân căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Thân căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Thân căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Thân căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ý căn. Những gì là sáu?

1. Ý căn nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Ý căn nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Ý căn nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Ý căn nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Ý căn nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu thức. Những gì là sáu?

1. Sáu thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Sáu thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Sáu thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Sáu thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Sáu thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhãn thức. Những gì là sáu?

1. Nhãn thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Nhãn thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Nhãn thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Nhãn thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

5. Nhãn thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhĩ thức. Những gì là sáu?

1. Nhĩ thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Nhĩ thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Nhĩ thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Nhĩ thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Nhĩ thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tỷ thức. Những gì là sáu?

1. Tỷ thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Tỷ thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Tỷ thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Tỷ thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Tỷ thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thiệt thức. Những gì là sáu?

1. Thiệt thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Thiệt thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Thiệt thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Thiệt thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Thiệt thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thân thức. Những gì là sáu?

1. Thân thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Thân thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Thân thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

4. Thân thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Thân thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ý thức. Những gì là sáu?

1. Ý thức nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Ý thức nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Ý thức nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Ý thức nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Ý thức nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu tình. Những gì là sáu?

1. Sáu tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Sáu tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Sáu tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Sáu tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Sáu tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhãn tình. Những gì là sáu?

1. Nhãn tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Nhãn tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Nhãn tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.

4. Nhãn tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.

5. Nhãn tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhĩ tình. Những gì là sáu?

1. Nhĩ tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.

2. Nhĩ tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

3. Nhĩ tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Nhĩ tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Nhĩ tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tỷ tình. Những gì là sáu?

1. Tỷ tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Tỷ tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Tỷ tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Tỷ tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Tỷ tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thiết tình. Những gì là sáu?

1. Thiết tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Thiết tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Thiết tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Thiết tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Thiết tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thân tình. Những gì là sáu?

1. Thân tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Thân tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Thân tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Thân tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Thân tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ý tình. Những gì là sáu?

1. Ý tình nơi các hành không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

2. Ý tình nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Ý tình nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Ý tình nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Ý tình nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu nhân. Những gì là sáu?

1. Sáu nhân nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Sáu nhân nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Sáu nhân nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Sáu nhân nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Sáu nhân nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại đối tượng tạo tác.

Những gì là sáu?

1. Đối tượng tạo tác nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Đối tượng tạo tác nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Đối tượng tạo tác nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Đối tượng tạo tác nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Đối tượng tạo tác nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại cùng có. Những gì là sáu?

1. Các hành cùng có không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi cùng có không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi cùng có không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ cùng có không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ cùng có không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tự phần. Những gì là sáu?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

1. Tự phần nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Tự phần nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Tự phần nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Tự phần nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Tự phần nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tương ứng. Những gì là sáu?

1. Các hành tương ứng không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi tương ứng không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi tương ứng không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ tương ứng không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ tương ứng không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại báo nhân (*nhân dị thực*). Những gì là sáu?

1. Báo nhân nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Báo nhân nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Báo nhân nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Báo nhân nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Báo nhân nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu chấn động. Những gì là sáu?

1. Sáu chấn động nơi các hành không thể nghĩ bàn.
2. Sáu chấn động nơi pháp hữu vi không thể nghĩ bàn.
3. Sáu chấn động nơi pháp vô vi không thể nghĩ bàn.
4. Sáu chấn động nơi pháp hữu trụ không thể nghĩ bàn.
5. Sáu chấn động nơi pháp vô trụ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại vọt lên ở phương

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đông. Những gì là sáu?

1. Các hành vọt lên ở phương Đông không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi vọt lên ở phương Đông không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi vọt lên ở phương Đông không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ vọt lên ở phương Đông không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ vọt lên ở phương Đông không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại chìm lặn ở phương

Tây. Những gì là sáu?

1. Các hành chìm lặn ở phương Tây không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi chìm lặn ở phương Tây không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi chìm lặn ở phương Tây không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ chìm lặn ở phương Tây không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ chìm lặn ở phương Tây không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nổi lên ở phương Nam.

Những gì là sáu?

1. Các hành nổi lên ở phương Nam không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nổi lên ở phương Nam không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nổi lên ở phương Nam không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nổi lên ở phương Nam không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nổi lên ở phương Nam không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại chìm lặn ở phương

Bắc. Những gì là sáu?

1. Các hành chìm lặn ở phương Bắc không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi chìm lặn ở phương Bắc không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi chìm lặn ở phương Bắc không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ chìm lặn ở phương Bắc không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ chìm lặn ở phương Bắc không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nổi lên ở hai bên.

Những gì là sáu?

1. Các hành nổi lên ở hai bên không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nổi lên ở hai bên không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nổi lên ở hai bên không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nổi lên ở hai bên không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nổi lên ở hai bên không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại chìm lặn ở giữa.

Những gì là sáu?

1. Các hành chìm lặn ở giữa không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi chìm lặn ở giữa không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi chìm lặn ở giữa không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ chìm lặn ở giữa không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ chìm lặn ở giữa không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại vô minh. Những gì là sáu?

1. Các hành vô minh không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi vô minh không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi vô minh không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ vô minh không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ vô minh không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại duyên hành. Những gì là sáu?

1. Các hành duyên hành không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi duyên hành không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi duyên hành không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ duyên hành không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ duyên hành không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hành duyên sắc.

Những gì là sáu?

1. Các hành hành duyên sắc không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi hành duyên sắc không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi hành duyên sắc không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ hành duyên sắc không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ hành duyên sắc không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sắc duyên. Những gì là sáu?

1. Các hành sắc duyên không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi sắc duyên không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi sắc duyên không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ sắc duyên không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ sắc duyên không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại danh sắc. Những gì là sáu?

1. Các hành danh sắc không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi danh sắc không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi danh sắc không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ danh sắc không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ danh sắc không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại danh sắc duyên sáu nhập. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi danh sắc duyên sáu nhập không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi danh sắc duyên sáu nhập không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi danh sắc duyên sáu nhập không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi danh sắc duyên sáu nhập không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

bàn.

5. Pháp vô trụ nơi danh sắc duyên sáu nhập không thể nghĩ

bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu nhập duyên xúc.

Những gì là sáu?

1. Các hành nơi sáu nhập duyên xúc không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi sáu nhập duyên xúc không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi sáu nhập duyên xúc không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi sáu nhập duyên xúc không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi sáu nhập duyên xúc không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại xúc duyên thọ. Những

gì là sáu?

1. Các hành nơi xúc duyên thọ không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi xúc duyên thọ không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi xúc duyên thọ không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi xúc duyên thọ không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi xúc duyên thọ không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thọ duyên ái. Những gì

là sáu?

1. Các hành nơi thọ duyên ái không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi thọ duyên ái không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi thọ duyên ái không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi thọ duyên ái không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi thọ duyên ái không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ái duyên thủ. Những gì

là sáu?

1. Các hành nơi ái duyên thủ không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

2. Pháp hữu vi nơi ái duyên thủ không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi ái duyên thủ không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi ái duyên thủ không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi ái duyên thủ không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thủ duyên hữu. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi thủ duyên hữu không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi thủ duyên hữu không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi thủ duyên hữu không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi thủ duyên hữu không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi thủ duyên hữu không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hữu duyên sinh. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi hữu duyên sinh không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi hữu duyên sinh không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi hữu duyên sinh không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi hữu duyên sinh không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi hữu duyên sinh không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sinh duyên lão tử.

Những gì là sáu?

1. Các hành nơi sinh duyên lão tử không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi sinh duyên lão tử không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi sinh duyên lão tử không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi sinh duyên lão tử không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi sinh duyên lão tử không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại vô minh diệt. Những gì là sáu?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

1. Các hành nơi vô minh diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi vô minh diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi vô minh diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi vô minh diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi vô minh diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hành diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi hành diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi hành diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi hành diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi hành diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi hành diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sắc diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi sắc diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi sắc diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi sắc diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi sắc diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi sắc diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại danh sắc diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi danh sắc diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi danh sắc diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi danh sắc diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi danh sắc diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi danh sắc diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sáu nhập diệt. Những

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

gì là sáu?

1. Các hành nơi sáu nhập diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi sáu nhập diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi sáu nhập diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi sáu nhập diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi sáu nhập diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại xúc diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi xúc diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi xúc diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi xúc diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi xúc diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi xúc diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ái diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi ái diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi ái diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi ái diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi ái diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi ái diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thủ diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi thủ diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi thủ diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi thủ diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi thủ diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi thủ diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại sinh diệt. Những gì là

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sáu?

1. Các hành nơi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi sinh diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại lão tử diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi lão tử diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi lão tử diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi lão tử diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi lão tử diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi lão tử diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại ưu bi diệt. Những gì là

sáu?

1. Các hành nơi ưu bi diệt không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi ưu bi diệt không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi ưu bi diệt không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi ưu bi diệt không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi ưu bi diệt không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại pháp bốn Đế. Những

gì là sáu?

1. Các hành nơi pháp bốn Đế không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi pháp bốn Đế không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi pháp bốn Đế không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi pháp bốn Đế không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi pháp bốn Đế không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại tập đế. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi Tập đế không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi Tập đế không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi Tập đế không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi Tập đế không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi Tập đế không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại Diệt đế. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi Diệt đế không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi Diệt đế không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi Diệt đế không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi Diệt đế không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi Diệt đế không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhân của khổ. Những gì là sáu?

1. Các hành nhân của Khổ, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nhân của Khổ, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nhân của Khổ, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nhân của Khổ, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nhân của Khổ, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhân của tập. Những gì là sáu?

1. Các hành nhân của Tập, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nhân của Tập, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nhân của Tập, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nhân của Tập, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nhân của Tập, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhân của Diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nhân của Diệt, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nhân của Diệt, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nhân của Diệt, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nhân của Diệt, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nhân của Diệt, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại nhân của đạo. Những gì là sáu?

1. Các hành nhân của Đạo, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nhân của Đạo, không thể nghĩ bàn.
- Ba là pháp vô vi nhân của Đạo, không thể nghĩ bàn.
- Bốn là pháp hữu trụ nhân của Đạo, không thể nghĩ bàn.
- Năm là pháp vô trụ nhân của Đạo, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại duyên của Khổ. Những gì là sáu?

1. Các hành duyên của Khổ, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi duyên của Khổ, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi duyên của Khổ, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ duyên của Khổ, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ duyên của Khổ, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại duyên của tập. Những gì là sáu?

1. Các hành duyên của Tập, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi duyên của Tập, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi duyên của Tập, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ duyên của Tập, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ duyên của Tập, không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại duyên của diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành duyên của Diệt, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi duyên của Diệt, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi duyên của Diệt, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ duyên của Diệt, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ duyên của Diệt, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại duyên của đạo. Những gì là sáu?

1. Các hành duyên của Đạo, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi duyên của Đạo, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi duyên của Đạo, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ duyên của Đạo, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ duyên của Đạo, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hành khổ. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi hành Khổ, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi hành Khổ, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi hành Khổ, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi hành Khổ, không thể nghĩ bàn.
5. Pháp vô trụ nơi hành Khổ, không thể nghĩ bàn.
6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hành Tập. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi hành Tập, không thể nghĩ bàn.
2. Pháp hữu vi nơi hành Tập, không thể nghĩ bàn.
3. Pháp vô vi nơi hành Tập, không thể nghĩ bàn.
4. Pháp hữu trụ nơi hành Tập, không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

5. Pháp vô trụ nơi hành Tập, không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hành Diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi hành Diệt, không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi hành diệt, không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi hành diệt, không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi hành diệt, không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi hành diệt, không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại hành Đạo. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi hành Đạo, không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi hành Đạo, không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi hành Đạo, không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ hành Đạo, không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ hành Đạo, không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thức Khổ. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi thức Khổ, không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi thức Khổ, không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi thức Khổ, không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi thức Khổ, không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi thức Khổ, không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thức Tập. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi thức Tập, không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi thức Tập, không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi thức Tập, không thể nghĩ bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

4. Pháp hữu trụ nơi thức Tập, không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi thức Tập, không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thức Diệt. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi thức diệt không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi thức diệt không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi thức diệt không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi thức diệt không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi thức diệt không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có sáu loại thức Đạo. Những gì là sáu?

1. Các hành nơi thức Đạo, không thể nghĩ bàn.

2. Pháp hữu vi nơi thức Đạo, không thể nghĩ bàn.

3. Pháp vô vi nơi thức Đạo, không thể nghĩ bàn.

4. Pháp hữu trụ nơi thức Đạo, không thể nghĩ bàn.

5. Pháp vô trụ nơi thức Đạo, không thể nghĩ bàn.

6. Các pháp đều không, không thể nghĩ bàn.

Đó là sáu loại.

Này Đồng tử! Các hành của Đại Bồ-tát: hữu vi, vô vi, hữu trụ, vô trụ, đều không, căn bản của sáu hành đã trình bày đầy đủ ở trên. Nếu nói rộng ra thì đến kiếp cùng tận cũng không hết được.

